

Mã chương: 822

Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ VINH THỰC

Mã ĐVQHNS: 1166598

Mã cấp NS: 4

Kho bạc Nhà nước giao dịch: KBNN Khu vực III-PGD số 17

Mã hồ sơ: SD 26-1166598-2818007129

Người ký: Nguyễn Ngọc Khiêm
Ngày ký: 05/10/2026 13:54:00
Chức danh: Trưởng phòng
Số 17
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 28

Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 3 /Năm 2026

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn ngân sách nhà nước	Mã ngành kinh tế	Mã nội dung kinh tế	Mã chương trình mục tiêu, dự án	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	12	073	6051	00000	0	0	257.085.630	681.945.390	257.085.630	681.945.390
Phụ cấp ưu đãi nghề	12	073	6112	00000	0	0	0	107.565.351	0	107.565.351
Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	12	073	6157	00000	0	0	0	12.000.000	0	12.000.000
Các khoản hỗ trợ khác	12	073	6199	00000	0	0	225.281.250	225.281.250	225.281.250	225.281.250
Bảo hiểm xã hội	12	073	6301	00000	0	0	20.507.130	59.649.660	20.507.130	59.649.660
Bảo hiểm y tế	12	073	6302	00000	0	0	3.515.508	10.225.656	3.515.508	10.225.656
Bảo hiểm thất nghiệp	12	073	6304	00000	0	0	1.171.836	3.408.552	1.171.836	3.408.552
Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	12	073	6552	00000	0	0	25.500.000	76.700.000	25.500.000	76.700.000
Vật tư văn phòng khác	12	073	6599	00000	0	0	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000
Thuê phương tiện vận chuyển	12	073	6751	00000	0	0	5.400.000	5.400.000	5.400.000	5.400.000
Thuê lao động trong nước	12	073	6757	00000	0	0	135.000.000	405.000.000	135.000.000	405.000.000
Nhà cửa	12	073	6907	00000	0	0	287.050.000	287.050.000	287.050.000	287.050.000

Đường điện, cấp thoát nước	12	073	6921	00000	0	0	170.050.000	170.050.000	170.050.000	170.050.000
Tài sản và thiết bị chuyên dùng	12	073	6954	00000	0	0	20.100.000	20.100.000	20.100.000	20.100.000
Chi khác	12	073	7049	00000	0	0	0	5.000.000	0	5.000.000
Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	12	073	7766	00000	0	0	230.115.000	230.115.000	230.115.000	230.115.000
Chi các khoản khác	12	073	7799	00000	0	0	290.000.000	1.715.000.000	290.000.000	1.715.000.000
Lương theo ngạch, bậc	13	073	6001	00000	0	0	1.289.657.816	3.755.924.216	1.289.657.816	3.755.924.216
Phụ cấp chức vụ	13	073	6101	00000	0	0	22.200.000	65.724.000	22.200.000	65.724.000
Phụ cấp khu vực	13	073	6102	00000	0	0	177.600.000	523.920.000	177.600.000	523.920.000
Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	13	073	6105	00000	0	0	0	418.393.122	0	418.393.122
Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	13	073	6107	00000	0	0	1.480.000	4.288.000	1.480.000	4.288.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	073	6112	00000	0	0	961.341.375	1.992.811.035	961.341.375	1.992.811.035
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	073	6113	00000	0	0	3.700.000	10.720.000	3.700.000	10.720.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	13	073	6115	00000	0	0	179.811.012	503.235.985	179.811.012	503.235.985
Phụ cấp khác	13	073	6149	00000	0	0	393.557.340	1.146.494.460	393.557.340	1.146.494.460
Chi khác	13	073	6299	00000	0	0	0	137.283.300	0	137.283.300
Bảo hiểm xã hội	13	073	6301	00000	0	0	261.042.043	756.854.734	261.042.043	756.854.734
Bảo hiểm y tế	13	073	6302	00000	0	0	44.750.064	129.746.525	44.750.064	129.746.525
Bảo hiểm thất nghiệp	13	073	6304	00000	0	0	14.916.689	43.248.844	14.916.689	43.248.844
Chi khác	13	073	6449	00000	0	0	24.593.400	24.593.400	24.593.400	24.593.400
Tiền điện	13	073	6501	00000	0	0	16.733.002	65.407.327	16.733.002	65.407.327
Tiền nước	13	073	6502	00000	0	0	2.238.371	10.224.828	2.238.371	10.224.828
Văn phòng phẩm	13	073	6551	00000	0	0	0	17.088.930	0	17.088.930
Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	13	073	6552	00000	0	0	0	25.270.800	0	25.270.800
Vật tư văn phòng khác	13	073	6599	00000	0	0	0	51.818.046	0	51.818.046
Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng	13	073	6605	00000	0	0	6.282.000	37.165.323	6.282.000	37.165.323
Tuyên truyền, quảng cáo	13	073	6606	00000	0	0	0	4.400.000	0	4.400.000
Tiền vé máy bay, tàu, xe	13	073	6701	00000	0	0	32.880.000	49.040.000	32.880.000	49.040.000

Phụ cấp công tác phí	13	073	6702	00000	0	0	23.250.000	40.050.000	23.250.000	40.050.000
Tiền thuê phòng ngủ	13	073	6703	00000	0	0	12.400.000	22.300.000	12.400.000	22.300.000
Thuê phương tiện vận chuyển	13	073	6751	00000	0	0	0	6.000.000	0	6.000.000
Chi phí thuê mướn khác	13	073	6799	00000	0	0	21.300.000	36.700.000	21.300.000	36.700.000
Nhà cửa	13	073	6907	00000	0	0	0	5.040.000	0	5.040.000
Hệ thống số, nền tảng số, hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu và các thiết bị công nghệ số	13	073	6912	00000	0	0	0	5.370.000	0	5.370.000
Tài sản và thiết bị văn phòng	13	073	6913	00000	0	0	4.950.000	12.822.900	4.950.000	12.822.900
Đường điện, cấp thoát nước	13	073	6921	00000	0	0	0	3.635.868	0	3.635.868
Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	13	073	6949	00000	0	0	0	5.775.000	0	5.775.000
Chi mua hàng hóa, vật tư	13	073	7001	00000	0	0	15.746.000	45.745.740	15.746.000	45.745.740
Chi khác	13	073	7049	00000	0	0	0	40.178.600	0	40.178.600
Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện	13	073	7757	00000	0	0	0	5.002.832	0	5.002.832
Chi các khoản khác	13	073	7799	00000	0	0	17.656.000	94.751.800	17.656.000	94.751.800
Thưởng đột xuất	18	073	6202	00000	0	0	0	11.700.000	0	11.700.000
Cộng:					0	0	5.203.111.466	14.127.466.474	5.203.111.466	14.127.466.474
Phần KBNN ghi:										

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 5 tháng 10 năm 2026

Kế toán

Kiểm soát

(Ký tên)

(Ký tên, đóng dấu)

Tô Trung Dũng

ĐƠN VỊ GIAO DỊCH

Ngày 5 tháng 10 năm 2026

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi họ tên)

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Người ký: Nguyễn Ngọc Khiêm
Ngày ký: 05/10/2026 13:54:00
Chức danh: Trưởng phòng
Đơn vị: KBNN Khu vực III-PGD số 17

Nguyễn Ngọc Khiêm

Người ký: Phạm Cẩm Nhung
Ngày ký: 05/10/2026 11:06:09
Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ VĨNH THỰC

Người ký: Khổng Duy Phong
Ngày ký: 05/10/2026 11:10:15
Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ VĨNH THỰC

Phạm Cẩm Nhung

Khổng Duy Phong